

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Thanh Hùng;
- Bà Cù Thị Ngọc Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1990; Cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1992; Cư trú: Tổ G, ấp D, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông và bà C là do mai mối, được gia đình đồng ý nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn cùng năm tại UBND xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Sau khi cưới chỉ được 04 ngày thì bà C bỏ nhà chồng về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay không còn chung sống nữa. Từ đó đến nay không liên lạc, quan

tâm gì nhau nữa. Hai gia đình gặp mặt nhau để nói chuyện và cũng không hàn gắn tình cảm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu xin ly hôn bà Phạm Thị Kim C.

- Về quan hệ con chung: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho bà Phạm Thị Kim C nhưng bà C vắng mặt, không có văn bản ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng ông Q không đồng ý đoàn tụ chung sống.

Tại phiên tòa, ông Q vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn bà Phạm Thị Kim C, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bà Phạm Thị Kim C được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực đúng hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đỗ Văn Q đối với bà Phạm Thị Kim C; con chung không có; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ông Đỗ Văn Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Đỗ Văn Q khởi kiện xin được ly hôn với bà Phạm Thị Kim C có nơi cư trú tại ấp D, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bà Phạm Thị Kim C được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Kim C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Đỗ Văn Q và bà Phạm Thị Kim C do tự tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Thời gian chung sống chưa đầy một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, bà C bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, không còn liên lạc gì với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Gia đình đã hàn gắn tình cảm nhưng cả hai không chấp nhận chung sống lại với nhau.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương, người thân xác định nguyên nhân mâu thuẫn đúng như lời ông Đỗ Văn Q trình bày.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Q, bà C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Ông Đỗ Văn Q được ly hôn bà Phạm Thị Kim C.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Ông Đỗ Văn Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007583 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu (ông Q đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Văn Q có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị Kim C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Tx.Tân Châu;
- Chi cục THADS Tx.Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã đăng ký kết hôn (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Nhựt